

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Nguyễn Đức Thiện
2/Ông Đào Công Trình

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Đào Duy K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/9/1984, tại xã C, thành phố V; giới tính: Nam; nơi cư trú: Khu H, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; bố đẻ: Đào Tiến N, sinh năm 1962, mẹ đẻ: Hoàng Thị D, sinh năm: 1962; vợ: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1984, con: lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Đào Duy K bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/3/2025 đến ngày 18/3/2025. Qua xác minh, bị cáo K có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với K. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt).

Người bị hại: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu H, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

HKTT: Xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là Phường

V, tỉnh Phú Thọ);

2. Anh Quất Văn Q, sinh năm 1983(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu A, phường V, tỉnh Phú Thọ

3. Anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là Phường V, tỉnh Phú Thọ);

4. Anh Bùi Anh T1, sinh năm 1982 và chị Trương Thị N1, sinh năm 1987(vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là Phường V, tỉnh Phú Thọ);

5. Anh Đào Văn Q1, sinh năm 1992(vắng mặt)

Địa chỉ: xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ);

6. Chị Đào Thị T2, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đào Duy K sinh ngày 05/09/1984, trú tại khu H, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ mở quán thịt chó lấy tên “Nhà hàng D2” tại khu H, xã C, thành phố V. Chiều ngày 26/02/2025, Hoàng Văn H1 sinh năm 1985, HKTT: Xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là khách đến mua thịt chó tại quán của K, trong khi chờ lấy đồ ăn, H1 nhìn thấy hàng rào sắt mà K làm bờ rào trước cửa quán nên H1 hỏi K có ai bán tấm rào sắt như hàng rào nhà K thì bảo H1 để mua một ít về làm hàng rào. K nói với H1 để xem có ai bán thì K bảo lại. H1 cho K số điện thoại 0989178222 của H1 để nếu có hàng rào thì K gọi cho H1. Do trước đó vào đầu tháng 11/2024 K làm bảo vệ trông coi công trình làm đường cho công ty X tại khu H, xã C, thành phố V cạnh Sở chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ 789 Khang thấy có nhiều tấm hàng rào sắt được hàn bằng các thanh sắt hình hộp rỗng xếp chồng lên nhau thành 02 đồng, mỗi đồng hàng rào sắt được buộc bởi dây cáp lõi thép hai đầu có móc và có khóa của gia đình chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975, HKTT: Khu H, xã C, thành phố V để ở ven hàng rào tôn của Sở chỉ huy quân sự từ lâu, không có ai trông coi nên sau khi anh H1 hỏi và nhờ K mua, K đã nảy sinh ý định lấy trộm các tấm rào sắt trên để bán cho H1 lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, K sử dụng số điện thoại 0376952602 gọi điện lại cho H1 để hỏi H1 có muốn mua hàng rào sắt nữa không thì Hòa đồng Ý nên K bảo sẽ chở hàng rào sắt đến bán cho H1.

Đến chiều ngày 07/3/2025, K gọi điện từ số điện thoại 0947783686 của K cho H1 và hẹn khoảng 05 giờ sáng ngày 08/3/2025 sẽ chở hàng rào sắt đến cho H1, Hòa đồng Ý và bảo K chở hàng rào sắt cho H1 đến khu A, xã K, thành phố V. Sau khi gọi cho H1, K gọi đến số điện thoại 0986323303 của anh Quất Văn Q sinh năm 1983, HKTT: Tổ B, khu A, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (K có số điện thoại của Q và biết anh Q có xe cầu là do K hỏi khách đến ăn tại quán rồi họ cho K số điện thoại của anh Q) để hỏi thuê Q chở số tấm hàng rào sắt trên cho K và hẹn Quyền khoảng 4

giờ đến 4 giờ 30 phút sáng ngày 08/3/2025 sẽ tiến hành chở. Q đồng ý và gọi lại cho K bảo K xếp số sắt thành đồng để cầu cho nhanh thì K bảo không cần xếp vì đã xếp sẵn rồi. Đến 16 giờ 49 phút cùng ngày K gọi lại cho Q hỏi Q có cần đưa đến xem mặt bằng để hôm sau cầu hàng không thì Q bảo không cần, đoạn đường đó Q có biết.

Khoảng 4 giờ 30 phút sáng ngày 08/03/2025, K một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe SH MODE màu đỏ nâu, BKS: 19B1-455.00 (đến khu vực đoạn đường mới làm cạnh công trình Sở chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ 789 để chờ Quyền. Khoảng 10 phút sau Q điều khiển xe cầu đến, K chỉ cho Q vị trí đầu tiên để các tấm hàng rào sắt xếp chồng lên nhau được buộc bởi dây cáp lõi thép hai đầu có móc được khóa lại bằng chiếc khóa Việt Tiệp có cắm 02 chìa dựng đứng trên vỉa hè dựa vào rào tôn của Sở chỉ huy Quân sự tỉnh, Q lấy 02 đoạn dây cáp chuyên dùng Q thường đem theo để buộc cầu hàng rào rồi Q cùng K luồn dây, buộc thêm vào đồng hàng rào sắt cho chắc chắn rồi Quyền cầu hết các tấm hàng rào sắt lên xe. K tiếp tục bảo Q điều khiển xe ra bên ngoài theo hướng đường N cách vị trí để các hàng rào sắt vừa lấy khoảng 20 m rồi cho xe cầu vào vị trí cũng để các tấm hàng rào sắt được xếp thành đồng và buộc dây khóa lại của gia đình chị H tại đó, K và Q tiếp tục luồn 02 đoạn dây buộc thêm vào đồng hàng rào sắt sau đó Q điều khiển máy cầu chở số hàng rào sắt lên thùng xe. Sau khi chuyển hết số hàng rào sắt lên xe, K điều khiển xe mô tô để chỉ đường cho xe của Q di chuyển theo, khi đến đoạn gần Trạm xăng dầu trên đường T thuộc khu A xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ thì K và Q dừng xe lại. Lúc này khoảng 5 giờ sáng, K gọi điện cho H1 báo xe chở hàng đến cây xăng trên đường T để bảo H1 chỉ đường đến nơi tập kết và nhận hàng. K và H1 nói chuyện một lúc thì K đưa điện thoại cho Q, qua điện thoại H1 bảo Q quay xe lại về phía khu tái định cư K chờ. Do lúc này vợ chồng H1 đang đi chơi ở Hà Giang không trực tiếp nhận hàng được nên H1 bảo vợ là chị Lương Thị L, sinh năm 1993 gọi điện cho anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1986 trú tại khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (T là anh họ của L) ra đón, chỉ đường và chỉ vị trí cho K để số hàng rào sắt hộ H1. Sau khi nghe điện thoại, anh T một mình đi xe mô tô ra đoạn đường T thấy K và xe tải của Q đang đứng chờ, anh T điều khiển xe chỉ dẫn K và xe tải đi vào đường trong ngõ trước nhà anh Bùi Anh T1, sinh năm 1982 và vợ là Trương Thị N1, sinh năm 1987 trú tại khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (Anh T1 và chị N1 là cậu mợ của chị L và anh T). T chỉ cho K để số hàng rào sắt sát bờ rào phía bên ngoài đường trước nhà anh T1, rồi anh T điều khiển xe về nhà, còn K bảo Q cầu hết số hàng rào sắt xuống vị trí anh T vừa chỉ. Sau khi cầu xong, K gọi điện thoại cho H1 báo đã chở hàng đến nơi và bảo H1 trả tiền thuê xe cầu cho Q là 800.000 đồng. Hòa đồng ý. Đồng thời K cho Q số điện thoại của H1 để Q gọi cho H1 bảo chuyển tiền công chở. Quyền nhắn tin cho H1 số tài khoản ngân hàng của Q để H1 chuyển tiền. Khi nhận được tin nhắn của Quyền, do tài khoản của H1 không có đủ tiền nên H1 bảo vợ chuyển tiền cho Q. Chị L sử dụng số tài khoản 291993888888 mở tại ngân hàng M đứng tên Lương Thị L chuyển khoản số tiền 800.000 đồng đến tài khoản số 0986323303 mở tại ngân hàng M đứng tên Quát Văn Q. Sau đó K gọi điện báo H1 “Em không ở nhà thì hôm nào về anh xuống lấy tiền sau”, Hòa đồng ý, sau đó K và Q điều khiển xe của mình đi về nhà,

trên đường về Q thấy tin nhắn điện thoại báo tài khoản ngân hàng của Q được cộng 800.000 đồng do chị L chuyển khoản.

Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 10/03/2025, K gọi điện thoại từ số 0376952602 của K cho H1, biết H1 đã đi Hà Giang về nên K bảo gặp H1 tại điểm tập kết các tấm hàng rào sắt để cùng nhau kiểm đếm số lượng, khối lượng sắt và thanh toán tiền. Hòa đồng ý. Một lúc sau K và H1 đến điểm tập kết sắt, cùng nhau đếm số hàng rào sắt nhưng do số hàng rào sắt để chồng lên nhau khó đếm nên K và H1 thống nhất số lượng là 37 tấm, nếu có chênh lệch một vài tấm thì không tính. H1 và K không cân cụ thể từng tấm hàng rào sắt **mà chỉ** ước lượng mỗi thanh sắt hộp trong từng tấm nặng khoảng 2,5 kg, mỗi tấm có khối lượng khoảng 20kg, tổng 37 tấm là 740 kg. K và H1 thống nhất giá mua bán là 8.000 đồng/01 kg sắt. Cả hai thỏa thuận tổng số tiền H1 phải trả K là: 5.920.000 đồng, H1 tự làm tròn là 5.9000.000 đồng. K nói hỗ trợ cho H1 200.000 đồng tiền xe cầu nên cả hai thống nhất số tiền H1 trả cho K là 5.700.000 đồng. Ngay sau đó H1 sử dụng số tài khoản 0990123456668 mở tại ngân hàng M đứng tên Hoàng Văn H1 chuyển khoản số tiền 5.700.000 đồng đến số tài khoản 304704070008600 mở tại ngân hàng H2 đứng tên Đào Duy K. Tổng số tiền sắt bán được là 5.700.000 đồng. Sau khi nhận tiền, K chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng cho em họ là Đào Văn Q1 sinh năm 1992 HKTT: Khu H, xã C, thành phố V và chuyển khoản số tiền 7500.000 đồng (trong đó có 700.000 đồng là tiền K bán hàng rào sắt) cho em gái ruột là Đào Thị T2 sinh năm 1989, HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ để trả tiền K nợ Q1 và T2 trước đó. Khi chuyển khoản K không nói cho Q1 và T2 biết nguồn gốc số tiền do K trộm cắp mà có, anh Q1 và chị T2 đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Đến ngày 11/3/2025, sau khi phát hiện các tấm hàng rào sắt của gia đình bị mất trộm, chị Hoàng Thị H đã trình báo Công an xã C. Qua điều tra, xác minh, Công an xã C xác định Đào Duy K là người trộm cắp số hàng rào sắt của gia đình chị H. Công an xã C triệu tập Đào Duy K đến trụ sở công an xã làm việc, tại cơ quan công an Khang đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đối với số tài sản K trộm cắp, sau khi được cơ quan công an cho biết số sắt anh Hoàng Văn H1 mua của K ngày 08/3/2025 là tài sản do K phạm tội mà có, anh H1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an: 53 tấm hàng rào sắt trong đó gồm: 20 tấm sắt có kích thước 6m x 1,3m, được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,4cm x 1,4cm, mỗi tấm có trọng lượng 23 kg và 33 tấm sắt có kích thước 6m x 2m được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,1 cm x 1,1 cm, mỗi tấm có trọng lượng 23 kg; 01 dây cáp lõi thép có vỏ nhựa trong, hai đầu có móc để khóa, dây dài 5m; 01 dây cáp bằng thép đã gỉ sét, hai đầu có móc để khóa, dây dài 3m; 02 chiếc khóa Việt Tiệp, mỗi khóa có 02 chìa đã qua sử dụng.

Ngày 12/3/2025, Công an xã C đã chuyển nguồn tin về tội phạm trên đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P để khởi tố, điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 13/3/2025, cơ quan điều tra tiến hành cho chị Hoàng Thị H - bị hại xác định đặc điểm, số lượng tài sản bị trộm cắp. Chị H xác nhận số tài sản chị bị mất đúng như tài sản cơ quan công an đã thu giữ khi anh Hoàng Văn H1 giao nộp. Chị H

xác nhận tất cả số hàng rào sắt chì đã sử dụng hơn 4 năm nên rào sắt đã cũ, gỉ sét, cong vênh nên chỉ bán được giá sắt vụn là khoảng hơn 12 triệu đồng. Chị H xác định tổng giá trị tài sản thiệt hại tại thời điểm bị trộm cắp là khoảng 12.180.000 đồng.

Ngày 27/3/2025, cơ quan điều tra tiến hành cho Đào Duy K, chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn H1 cùng xác định đặc điểm, kích thước, số lượng vật chứng đã thu giữ là số hàng rào sắt, dây cáp, ổ khóa, chìa khóa. Cả 03 người xác định: Số lượng, kích thước, khối lượng, tình trạng sử dụng của số hàng rào sắt, dây cáp, ổ khóa, chìa khóa mà K trộm cắp đúng như số vật chứng mà cơ quan công an đã thu giữ ngày 11/03/2025.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với số tấm sắt đã thu giữ của K. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 162/KL-HĐĐGTS ngày 14/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố V, kết luận:

“a. Giá 20 tấm sắt có kích thước 6m x 1,3m, được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,4cm x 1,4cm, mỗi tấm có trọng lượng 23 kg, đã qua sử dụng.

Giá 01 kg tấm sắt có kích thước 6m x 1,3 m được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,4 cm x 1,4 cm đã qua sử dụng có giá 7.500 đồng/kg. Thành tiền: 23 kg x 7.500 đồng/01kg x 20 tấm = 3.450.000 đồng.

b. Giá 33 tấm sắt có kích thước 6m x 2m được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,1 cm x 1,1 cm, mỗi tấm có trọng lượng 23 kg đã qua sử dụng. Giá 01 kg tấm sắt có kích thước 6m x 2m được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,1 cm x 1,1 cm, đã qua sử dụng, có giá: 7.500 đồng. Thành tiền: 23 kg x 7.500 đồng/01kg x 33 tấm = 5.692.500 đồng.

c. Giá 01 dây cáp bằng lõi thép dài 5m, có vỏ nhựa trong, hai đầu để móc khóa, đã qua sử dụng có giá là: 10.000 đồng.

d. Giá 01 dây cáp bằng lõi thép dài 3m, đã rỉ sét, hai đầu để móc khóa đã qua sử dụng có giá là 8.000 đồng.

e. Giá 02 ổ khóa loại Việt Tiệp, mỗi ổ khóa có 02 chìa khóa, đã qua sử dụng có giá là 5.000 đồng.

Tổng cộng là: 9.165.500 đồng (bằng chữ: Chín triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà K trộm cắp của gia đình chị Hoàng Thị H ngày 8/3/2025 theo kết quả định giá là 9.165.500 đồng. Sau khi được cơ quan điều tra thông báo kết quả định giá tài sản như trên thì bị hại chị Hoàng Thị H và bị cáo K đều không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại cơ quan điều tra, Đào Duy K đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Đối với anh Hoàng Văn H1 là người mua các tấm hàng rào sắt của K trộm cắp được. Mục đích H1 mua các hàng rào sắt để làm hàng rào cho thửa đất của gia đình tại khu 10 xã K (gần nhà anh Bùi Anh T1 và chị Trương Thị N1) và để làm giàn cây. Quá trình mua bán, K không nói cho anh H1 biết số hàng rào sắt bán là do K trộm

cấp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với H1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với anh Quát Văn Q là người Khang thuê cầu số tám hàng rào sắt. Quá trình điều tra xác định gia đình anh Q có X1 tại khu B, phường V, V nên anh mua xe ô tô loại xe cầu tự hành nhãn hiệu Huyndai, biển số 19H-004.00 để phục vụ công việc kinh doanh gia đình và làm dịch vụ chở cầu thuê khi mọi người có nhu cầu. Khi K gọi thuê cầu sắt thì anh Q đồng ý, do K là người gọi điện cho anh Q để thuê chở nên anh nghĩ số rào sắt là của K, quá trình gặp và vận chuyển anh Q không hỏi gì nguồn gốc số hàng rào sắt, chỉ biết chở đến K để K làm hàng rào sớm nên anh Q mới nhận vận chuyển hàng rào sắt sớm cho K nên anh Q hoàn toàn tin tưởng, không biết số sắt này là tài sản do K trộm cắp. Anh Q chỉ thực hiện việc cầu và chở thuê các tám rào sắt theo yêu cầu của K sau đó nhận tiền chở thuê, không được hưởng lợi gì khác từ hành vi phạm tội của K nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe cầu tự hành nhãn hiệu Huyndai, biển số 19H-004.00 mà anh Quát Văn Q điều khiển đến cầu, chở sắt cho K, quá trình điều tra xác định Q không đồng phạm với K trong việc trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không tạm giữ và xem xét việc xử lý đối với chiếc xe cầu nhãn hiệu Huyndai, biển số 19H-004.00.

Đối với chị Lương Thị L là vợ của anh Hoàng Văn H1, anh H1 bảo chị chuyển khoản số tiền 800.000 đồng trả tiền thuê xe cầu cho Q. Bản thân chị L không biết tài sản mà vợ chồng chị mua là tài sản do K trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Quyết T là người được anh H1 và chị L nhờ để chỉ cho K nơi tập kết các tám hàng rào sắt. Bản thân anh T không biết số tài sản trên là tài sản trộm cắp, không biết anh H1 và chị L mua số hàng rào trên mục đích làm gì và không trao đổi, bàn bạc gì liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của K nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Bùi Anh T1 và chị Trương Thị N1 có mối quan hệ họ hàng với Hoàng Văn H1, Lương Thị L và Nguyễn Quyết T. Số tám hàng rào sắt H1 mua của K được tập kết ngoài lề đường sát với hàng rào trước cửa nhà anh T1, chị N1 thì anh chị không biết. Vợ chồng H1 không trao đổi gì về địa điểm tập kết số hàng rào sắt với anh T1, chị N1 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Đào Văn Q1 và chị Đào Thị T2 – là những người được Đào Duy K chuyển khoản tiền do K trộm cắp mà có. Anh Q1 và chị T2 không biết ngày 08/3/2025 K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiền K chuyển trả nợ cho anh, chị là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe SH MODE màu đỏ nâu, BKS: 19B1-455.00 mà K sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp và sim số điện thoại 0989178222 K sử dụng để liên lạc trao đổi mua bán tài sản trộm cắp với Hoàng Văn H1, quá trình điều tra xác định đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị D1 - vợ K, chiếc xe mô tô là do chị D1 mua bằng tiền của chị để làm phương tiện đi làm và đứng tên chị, khi K lấy xe đi chị D1 đang ngủ nên không biết. Đối với số

sim điện thoại 0989178222 đăng ký tên chủ thuê bao là chị D1, chị đưa K sử dụng để liên lạc hàng ngày và liên hệ bán hàng ăn. Việc K sử dụng các tài sản này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chị D1 không biết, không đồng phạm với K trong việc trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không tạm giữ và xem xét việc xử lý đối với chiếc xe mô tô và sim số điện thoại trên.

Đối với sim số điện thoại 0947.783.686 mà K sử dụng gọi cho H1 và Quyền K1 khai nhận được một người bạn cho đã lâu, nhưng K1 không biết họ là ai, ở đâu, cho vào thời gian nào. K1 không sang tên chủ thuê bao tên mình đối với sim số, không sử dụng thường xuyên số điện thoại này để tránh ảnh hưởng đến việc bán hàng và tránh để mọi người biết, K1 sử dụng số điện thoại này gọi cho Q. Qua xác minh xác định, sim số trên đứng tên chủ thuê bao là Nguyễn Văn N2 sinh năm 1980, HKTT tại khu A, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Tiến hành xác minh tại nơi thường trú của N2 thì N2 hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Cơ quan điều tra đã tạm giữ sim số trên để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân, bị cáo không có tài sản gì khác có giá trị.

Tại bản Cáo trạng số: 52/CT-VKSVT ngày 05/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì đã truy tố bị cáo Đào Duy K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ thực hành quyền công tố luận tội: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Duy K từ 12 đến 15 tháng tạm giam không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 12/3/2025 đến ngày 18/3/2025) quy đổi = 18 ngày tạm giam không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đào Duy K vì bị cáo không có thu nhập ổn định. Buộc bị cáo Đào Duy K phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đào Duy K.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ngày 09/4/2025, chị Hoàng Thị H đã nhận lại 53 tấm hàng rào được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,4cm x 1,4cm, và 1,1 cm x 1,1 cm; 01 dây cáp lõi thép có vỏ nhựa trong, hai đầu có móc để khóa, dây dài 5m; 01 dây cáp bằng thép đã gỉ sét, hai đầu có móc để khóa, dây dài 3m; 02 chiếc khóa Việt Tiệp, mỗi khóa có 02 chìa đã qua sử dụng. Chị H đã nhận đủ số tài trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền 5.700.000 đồng K thu được từ việc bán tài sản trộm cắp cho anh Hoàng Văn H1, ngày 23/5/2025 K đã trả lại cho anh H1. Anh H1 nhận đủ tiền và không có đề nghị gì khác đối với K là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy đối với sim số điện thoại 0947.783.686 K dùng liên lạc trộm cắp tài sản.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động FONROX F 2163, số IMEI1356356110920861, số IMEI 2: 356356110920879 là điện thoại K sử dụng trao đổi trộm cắp tài sản.

Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Khoảng 4 giờ 30 phút sáng ngày 8/3/2025, tại khu vực vỉa hè giáp công trình xây dựng Sở chỉ huy quân sự 789 thuộc khu H, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, Đào Duy K đã thực hiện hành vi trộm cắp 53 tấm rào sắt đã qua sử dụng trong đó bao gồm 20 tấm sắt có kích thước 6m x 1,3m, được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,4cm x 1,4cm và 33 tấm sắt có kích thước 6m x 2m được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,1 cm x 1,1 cm, mỗi tấm đều có trọng lượng 23 kg; 01 dây cáp bằng lõi thép dài 5m, có vỏ nhựa trong, hai đầu để móc khóa; 01 dây cáp bằng lõi thép dài 3m hai đầu để móc khóa và 02 ổ khóa loại Việt Tiệp, mỗi ổ khóa có 02 chìa đều đã qua sử dụng của gia đình chị Hoàng Thị H. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt theo kết quả định giá là 9.165.500 đồng. Do vậy có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo tuổi đời còn trẻ không chịu tu dưỡng rèn luyện, đã có hành vi lén lút để trộm cắp tài sản của người khác nên cần đưa bị cáo ra xét xử và hình phạt đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Đào Duy K không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự là cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Đào Duy K không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước. Vì vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự, cần buộc bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác minh và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đào Duy K không có tài sản gì riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận ngày 09/4/2025, chị Hoàng Thị H đã nhận lại 53 tấm hàng rào được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,4cm x 1,4cm, và 1,1 cm x 1,1 cm; 01 dây cáp lõi thép có vỏ nhựa trong, hai đầu có móc để khóa, dây dài 5m; 01 dây cáp bằng thép đã gỉ sét, hai đầu có móc để khóa, dây dài 3m; 02 chiếc khóa Việt Tiệp, mỗi khóa có 02 chìa đã qua sử dụng. Chị H đã nhận đủ số tài trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với số tiền 5.700.000 đồng K thu được từ việc bán tài sản trộm cắp cho anh Hoàng Văn H1, ngày 23/5/2025 K đã trả lại cho anh H1. Anh H1 nhận đủ tiền và không có đề nghị gì khác đối với K là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu tiêu hủy đối với sim số điện thoại 0947.783.686 K dùng liên lạc trộm cắp tài sản.

Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động FONROX F 2163, số IMEI1 356356110920861, số IMEI 2: 356356110920879 là điện thoại K sử dụng trao đổi trộm cắp tài sản.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/6/2025).

Đối với sim số điện thoại 0947.783.686 mà K sử dụng gọi cho H1 và Q liên lạc đến việc trao đổi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, về nguồn gốc sim số điện thoại này K khai nhận được một người bạn cho đã lâu, nhưng K không biết họ là ai, ở đâu, cho vào thời gian nào. K không sang tên chủ thuê bao tên mình đối với sim số. Qua xác minh xác định, sim số trên đứng tên chủ thuê bao là Nguyễn Văn N2 sinh năm 1980, HKTT tại khu A, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Tiến hành xác minh tại nơi thường trú của N2 thì N2 hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Xét thấy sim số điện thoại này K sử dụng trao đổi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy. Nếu trường hợp sau này có tranh chấp về dân sự giữa N2 và K2 liên quan đến sim số điện thoại trên thì N2 có thể đề nghị giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với anh Quát Văn Q là người thực hiện việc cầu và chở sắt thuê, quá trình làm việc không biết số tấm rào sắt mà mình cầu, chở đi bán là tài sản trộm cắp, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Hoàng Văn H1 là người mua số tấm rào sắt do K trộm cắp. Anh H1 không biết số tấm rào sắt mua là do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Đào Văn Q1 và chị Đào Thị T2 là người được nhận tiền từ bán tài sản trộm cắp từ K nhưng không biết số tiền mình nhận là do K trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Quyết T là người Hòa nhờ chỉ đường và vị trí để số tấm rào sắt, đối với chị Lương Thị L là người chuyển khoản tiền thuê xe cầu cho Q. Đối với vợ chồng anh Bùi Anh T1, chị Trương Thị N1 có quan hệ anh em với H1 có nhà mà K tập kết số hàng rào sắt ngoài lề đường phía trước nhà anh chị. Các anh T, T1 và các chị L, N1 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chị Lương Thị L là vợ của anh Hoàng Văn H1, anh H1 bảo chị chuyển khoản số tiền 800.000 đồng trả tiền thuê xe cầu cho Q. Bản thân chị L không biết tài sản mà vợ chồng chị mua là tài sản do K trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Bùi Anh T1 và chị Trương Thị N1 có mối quan hệ họ hàng với anh H1, chị L và anh T. Số tấm hàng rào sắt H1 mua của K được tập kết ngoài lề đường sát với hàng rào trước cửa nhà anh T1, chị N1 thì anh chị không biết nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe cầu tự hành nhãn hiệu Huyndai, biển số 19H-004.00 mà anh Q điều khiển đến cầu, chở sắt cho K, quá trình điều tra xác định Q không đồng phạm

với K trong việc trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không tạm giữ để xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe SH MODE màu đỏ nâu, BKS: 19B1-455.00 mà K sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp và sim số điện thoại 0989178222 K sử dụng để liên lạc trao đổi mua bán tài sản trộm cắp thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị D1 (vợ K), khi K lấy xe đi chị D1 không biết. Đối với số sim điện thoại 0989178222 đăng ký tên chủ thuê bao là chị D1, chị đưa K sử dụng để liên lạc hàng ngày và liên hệ bán hàng ăn. Việc K sử dụng các tài sản này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chị D1 không biết nên cơ quan điều tra không tạm giữ để xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 và Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Đào Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đào Duy K 12(Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày (Từ ngày 12/3/2025 đến ngày 18/3/2025), quy đổi = 18 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại là 11(Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Đào Duy K cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Đào Duy K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đào Duy K. Buộc bị cáo Đào Duy K phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo

không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Bị cáo Đào Duy K phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đào Duy K.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận ngày 09/4/2025, chị Hoàng Thị H đã nhận lại 53 tấm hàng rào được hàn bởi các thanh sắt hình hộp rỗng loại 1,4cm x 1,4cm, và 1,1 cm x 1,1 cm; 01 dây cáp lõi thép có vỏ nhựa trong, hai đầu có móc để khóa, dây dài 5m; 01 dây cáp bằng thép đã gỉ sét, hai đầu có móc để khóa, dây dài 3m; 02 chiếc khóa Việt Tiệp, mỗi khóa có 02 chìa đã qua sử dụng. Chị H đã nhận đủ số tài trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy đối với sim số điện thoại 0947.783.686 K dùng liên lạc trộm cắp tài sản.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động FONROX F 2163, số IMEI1 356356110920861, số IMEI 2: 356356110920879 là điện thoại K sử dụng trao đổi trộm cắp tài sản.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/6/2025)

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đào Duy K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng hồ sơ hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ
- THA HS - Công an tỉnh Phú Thọ;
- THA dân sự tỉnh Phú Thọ ;
- Công an xã Hy Cương;
- UBND xã Hy Cương;
- Bị cáo;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên